

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02142**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Luật Lao động**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988	10	9.0	9.0	9.5	9.4
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984	10	8.5	7.5	8.0	8.2
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998	10	9.5	8.0	9.5	9.3
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980	10	8.0	8.0	7.5	7.9
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992	10	8.5	8.0	10.0	9.4
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982	9	9.0	9.0	9.5	9.3
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979	8	8.0	7.0	7.5	7.5
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996	9	7.5	8.0	9.0	8.6
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993	8	8.5	9.0	9.5	9.1
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983	9	7.0	8.0	9.0	8.5
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992	7	6.5	6.0		2.6
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984	9	8.5	7.5	8.0	8.1
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990	9	9.5	9.5	9.0	9.2
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992	10	8.5	8.0	8.5	8.5
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996	9	8.0	8.0	8.0	8.1
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991	9	7.5	8.0	8.5	8.3

Châu Đốc, ngày 21 tháng 12 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Ngọc Xoàn